

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KBANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 67 /QĐ-UBND

Kbang, ngày 18 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v chuyển nguồn kinh phí tăng thu, tiết kiệm chi năm 2022 sang 2023 (đợt 1)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG

Căn cứ Luật tổ chức tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 của Quốc Hội; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 13579/KBNN-KTNN ngày 23/12/2022 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công tác khóa sổ kế toán niên độ năm 2022 trên Tabmis; Công văn số 15391/BTC-KBNN ngày 11/12/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý chuyển nguồn ngân sách năm 2018 sang năm 2019 và các năm sau;

Căn cứ Nghị quyết số 160/NQ-HĐND ngày 13/01/2023 về việc cho ý kiến về phương án sử dụng số tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách huyện năm 2022 (đợt 1);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính-KH huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử lý chuyển nguồn kinh phí tăng thu, tiết kiệm chi năm 2022 sang năm 2023 (đợt 1), số tiền 46.298.402.397 đồng (Bốn mươi sáu tỷ, hai trăm chín mươi tám triệu, bốn trăm linh hai ngàn, ba trăm chín mươi bảy đồng).

(Chi tiết có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao cho phòng Tài chính-KH huyện lập thủ tục chuyển nguồn ngân sách theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính-KH, Giám đốc Kho bạc nhà nước huyện và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

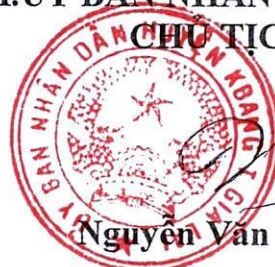
Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. /s. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, VP, TH.



TM.ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN



Nguyễn Văn Dũng



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của UBND huyện Kbang)

S TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
	TỔNG CỘNG (I+II+III)	46.298.402.397	
I	Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương	4.408.200.000	
1	Bổ trí hoàn trả lại nguồn Cải cách tiền lương: theo Kết luận của kiểm toán về ngân sách năm 2021 (kinh phí đã sử dụng để chi phụ cấp và hỗ trợ cán bộ không chuyên trách xã, thôn làng, tổ dân phố theo Nghị quyết 136/2021/NQ-HĐND của HĐND Tỉnh và hỗ trợ ngân sách Thị trấn do hụt thu cân đối ngân sách)	4.408.200.000	
II	Thực hiện một số chính sách an sinh xã hội	27.049.238.479	
1	Đảm bảo xã hội	10.857.410.000	
-	Bổ trí thực hiện chính sách an sinh xã hội	10.857.410.000	
2	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo	8.865.724.479	
-	Chế độ chính sách đối với người lao động, cán bộ, công chức, viên chức và học sinh năm 2023	8.865.724.479	
3	Sự nghiệp kinh tế	7.326.104.000	
-	Tiêm phòng gia súc, phòng chống dịch bệnh, hỗ trợ gia súc chết theo kế hoạch của Tỉnh và huyện	1.250.000.000	
-	Bổ trí kinh phí phòng, chống dịch bệnh	6.076.104.000	
III	Tăng chi đầu tư một số dự án quan trọng	14.840.963.918	
1	Quốc phòng an ninh	4.902.000.000	
1.1	Quốc phòng	4.359.000.000	
-	Hỗ trợ Ban chỉ huy quân sự huyện: Đầu tư xây dựng một số hạng mục thao trường huấn luyện theo Quyết định của Bộ tổng tham mưu Bộ quốc phòng	3.549.000.000	
-	Hỗ trợ xây dựng doanh trại	400.000.000	
-	Hỗ trợ 5 xã diễn tập khu vực phòng thủ cấp xã năm 2023 do tổ chức thực binh (mỗi xã 50trđ)	250.000.000	
-	Kinh phí hỗ trợ viết lịch sử đảng bộ xã Đông	160.000.000	
1.2	An ninh	543.000.000	
-	Hỗ trợ sửa chữa nhà tạm giam, tạm giữ, trụ sở công an thị trấn (sửa chữa cổng hàng rào)	333.000.000	
-	Hỗ trợ bổ sung một số hạng mục tại trụ sở làm việc Công an xã theo đề án của Công an cấp xã	210.000.000	
2	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo	4.500.000.000	
-	Mua sắm trang thiết bị dạy và học đổi mới sách giáo khoa, bàn ghế học sinh	4.500.000.000	
3	Sự nghiệp kinh tế	3.938.864.840	
-	Từ nguồn thu tiền sử dụng đất	3.606.864.840	

nh

S TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
+	Dành 10% số thu để đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	365.501.675	
+	Bố trí về các xã, thị trấn: thực hiện đối ứng 35% theo chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông theo Nghị quyết 280/NQ-HĐND tỉnh	3.241.363.165	
-	Khai hoang đồng ruộng làng Kon Bông trả lại đất cho đồng bào Banar khi làm dự án Định canh, định cư	272.000.000	
-	Hỗ trợ thực hiện quảng bá, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của huyện	60.000.000	
4	Sự nghiệp môi trường	1.077.099.078	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản: Bố trí theo quy định tại khoản 1, điều 8, Nghị định số 164/2016/NĐ-CP của Chính phủ	654.099.078	
-	Kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa đường tiêu thủy thị trấn (đoạn Lê Quý Đôn + 45m đến kề sát lờ suối Đắc Lốp)	423.000.000	
5	Sự nghiệp văn hóa thông tin	423.000.000	
-	Hỗ trợ xã Đăk Hlơ mua sắm trang thiết bị hội trường nhà văn hóa, xây dựng nhà vệ sinh nhà văn hóa	423.000.000	

Như